

PHẨM: NHẬP BẤT NHỊ PHÁP MÔN

Có ba phần:

1. Nói lý do có phẩm này.
2. Giải thích phẩm.
3. Giải thích văn.

I. Nói lý do có phẩm này:

1. Để thành việc phẩm Quán Chúng Sinh nhập vào Trung đạo.
 2. Để thành việc ở phẩm Thăm Bệnh ủy dụ Bồ-tát có bệnh của Viên giáo.
 3. Để thành việc ở phẩm Thăm Bệnh, Bồ-tát có bệnh Trung đạo chánh quán mà tự điều phục.
 4. Để thành việc phẩm Bồ-tát ở ngoài thất dùng Trung đạo Viên giáo chê trách Bồ-tát.
- Đó là thành bốn nghĩa đồng khiến họ nhập vào pháp môn Bất nhị này.

II. Giải thích phẩm: Song môn có nhiều nghĩa, nhập cũng không đồng. Nay lược nói mười thứ bốn câu “bốn trường hợp) xét chọn dị đồng.

- Phần bốn trường hợp thứ nhất:

- a) Thiên môn nhập Thiên lý, là ba thừa của Tam tạng giáo.
- b) Viên môn nhập Thiên lý, là ba thừa nghe Viên mà nhập thiên.
- c) Thiên môn nhập Viên lý, là Nhị thừa căn bại, cao nguyên không luận nghĩa nhập, Bồ-tát của Tam tạng giáo không ngại luận nhập.
- d) Viên môn nhập Viên lý, tức là nhập Phật tuệ Bồ-tát. Hai câu sau là nhập vào pháp môn Bất nhị.

- Phần bốn trường hợp thứ hai:

- a) Thứ đệ môn nhập Thứ đệ lý, là Bồ-tát của Biệt giáo nhập Sơ địa.
- b) Thứ đệ môn nhập Viên lý, là Bồ-tát của Biệt giáo nhập Sơ trụ.
- c) Viên môn nhập Thứ đệ lý, là Bồ-tát của Viên giáo nhập Sơ địa.
- d) Viên môn nhập Viên lý, là Bồ-tát Viên giáo nhập Sơ trụ.

Tuy lại bốn trường hợp giao nhau do căn tánh bất định mà đồng vào Trung đạo, nên đều đồng vào Bất nhị pháp môn này.

- Phần bốn trường hợp thứ ba:

- a) Giáo môn là lý môn, tức là nghe giáo mà ngộ lý.

b) Lý môn là giáo môn, tức là do Lý mà biết giáo.

c) Giáo là giáo môn, là nếu người nghe một câu mà thông suốt vô lượng nghĩa.

d) Lý là Lý môn, vì từ Lý tiến vào. Bắt đầu từ Sơ trụ cho đến diệu giác.

Nên Hoa Nghiêm nói: Bao nhiêu tuệ thân không do người khác mà ngộ, đầu lại do giáo xưa. Ba trường hợp đầu phần nhiều là ba mươi mốt Bồ-tát nhập Bất nhị pháp môn, một trường hợp sau phần nhiều là Văn-thù Tịnh danh nhập Bất nhị pháp môn. Tuy đồng ứng tích, mà hóa công quy về mình để tiến nhập, nào có hại gì.

- Phần bốn trường hợp thứ tư:

a) Giáo môn không phải lý môn, là giáo là năng thông, lý là sở thông, năng sở khác nhau.

b) Lý môn không phải giáo môn, là tôi nghe trong giải thoát không có nói năng.

c) Giáo môn tức lý môn, là văn tự tức giải thoát.

d) Lý môn tức giáo môn, giải thoát tức văn tự.

Hai câu đầu là lý giáo Tam tạng giáo, không phải nhập môn này. Hai câu sau là nhập Bất nhị pháp môn này.

- Phần bốn trường hợp thứ năm:

a) Mặc môn không nhập, tức là Thân Tử yên lặng.

b) Mặc môn nhập, tức là Tịnh Danh nín thính.

c) Yên lặng và nói đều không nhập, tức là lý giáo của Tam tạng giáo, người là Nhị thừa vậy.

d) Giáo lý đều nhập, là giáo lý của Viên giáo. Người là ba mươi ba vị Bồ-tát vậy.

- Phần bốn trường hợp thứ sáu:

a) Giáo môn nhập, là nay nghe nói nhập.

b) Hạnh môn nhập, là chứa lâu tịnh nghiệp xứng vô lượng. Luận chung thì Phật tử hành Đạo đến đời sau được làm Phật.

c) Giáo hạnh cùng là môn nhập, là như môn mà hành nhập.

d) Không phải giáo không phải hạnh nhập, tức là Văn-thù và Tịnh Danh. Không phải nay nghe giáo hạnh mà nhập, vì từ lâu đã trở thành Phật đạo.

- Phần bốn trường hợp thứ bảy:

a) Được giáo, không được môn, là Pháp sư văn tự.

b) Được môn, không được giáo, là Thiền sư quán tuệ.

c) Được Môn lại được giáo, là Pháp sư văn tuệ.

d) Giáo môn đều không được, là giả danh A-luyện-nhã.

Hai câu trước và sau không phải môn cũng không nhập, hai câu ở giữa là chân ngộ nhập, cũng là môn cũng là nhập. Người chưa ngộ nhập thì trong quán hạnh luận môn luận nhập, không phải thật nhập Bất nhị pháp môn.

- Phần bốn trường hợp thứ tám:

a) Xuất môn mà luận nhập. Kinh Pháp Hoa nói: Dùng Phật giáo môn thoát khổ ba cõi, ngồi xe báu ấy đến thẳng đạo tràng. Tức ba thừa trái giáo năm vị mà nhập.

b) Xuất môn không được nhập. Kinh Pháp Hoa nói: Bỏ cha mà đi hơn năm mươi năm, tức là phạm phu ở năm đường.

c) Cũng xuất cũng nhập mà được nhập. Kinh Niết-bàn nói: Bỏ sắc vô thường mà được thường sắc. Thọ tướng hành thức cũng thế. Tức Bồ-tát Biệt giáo nhập.

d) Không xuất không nhập mà nhập. Kinh nói sinh tử tức là Niết-bàn, sao còn luận gì xuất nhập. Tức như văn trên, không đoạn phiền não mà nhập Niết-bàn, là chân nhập Bất nhị pháp môn, tức Bồ-tát Viên giáo nhập.

- Phần bốn trường hợp thứ chín:

a) Nhập mà không nhập, tuy nhập hóa thành nhưng chưa nhập Bảo Sở.

b) Nhập mà luận nhập. Kinh Anh Lạc nói nhân là hai không mà nhập Trung đạo.

c) Xuất mà luận nhập, tức từ Trung đạo song chiếu hai đế.

d) Không nhập không xuất mà nhập, tịch chiếu đều mất.

- Phần bốn trường hợp thứ mười:

a) Ba môn không nhập, tức hai giáo Tạng Thông, nghĩa suy ba quán môn là ba môn không nhập.

b) Ba môn nhập, tức Viên giáo Bồ-tát, một tâm ba quán môn mà nhập.

c) Ba môn cũng nhập cũng không nhập, tức là Biệt giáo Bồ-tát Biệt nhập không phải Viên nhập.

d) Ba môn không phải nhập không phải Không nhập, là người tu ba quán môn, không nhất định là Biệt Viên.

Đây là ba mươi hai Bồ-tát, mỗi vị đều nói nhập Bất nhị pháp môn. Đây căn cứ theo tình ngộ mà giải thích. Ngài Tịnh Danh nín thính mà chân nhập Bất nhị pháp môn, đây là ở lý mà giải thích. Hoặc như hương về hiểu hai mà chẳng hai, ước mê ngộ mà giải thích vậy. Nếu ở trong

chiếu mà gọi chẳng hai, tức là chiếu mà song tịch cũng gọi là nhập. Song chiếu hai để gọi là hai, tức là tịch mà song chiếu, cũng gọi là xuất. Đây là hai chẳng hai mà nhập và xuất đều ở ngộ mà luận. Pháp là pháp hai chẳng hai được chiếu. Môn lại là chiếu pháp hai chẳng hai, thấu suốt không trệ ngại, thì gọi là môn. Ấy là một pháp, nhưng căn cứ dụng xứ mà gọi khác tên, nên gọi là pháp môn bất nhị. Lại hai là tục đế và chân đế, sinh tử và Niết-bàn là hai. Nếu riêng giữ tục đế là sinh tử lưu động, hoặc chấp có Niết-bàn là vô vi hôi tịch, hay dựa vào chân tục ấy là hai, là ở ngoài cửa, ngủ nhờ trong am cỏ chớ chưa được vào cửa Bất nhị mà thấy Trung đạo. Nay nói pháp môn Bất nhị là Không trụ vào hai cửa sinh tử, Niết-bàn, cũng không lia chẳng hai của sinh tử Niết-bàn, cùng bỏ hai biên và chẳng hai biên, suốt đến Trung đạo, gọi là nhập Bất nhị pháp môn. Lý Trung đạo này gọi là môn. Kinh Pháp Hoa nói: Chỉ có một môn “cửa) mà rất nhỏ hẹp, đó là cửa trí tuệ. Lại nói: Cửa trí tuệ ấy rất khó hiểu khó vào. Không phải hàng Tạng Thông Bồ-tát vào được. Ba mươi tâm Biệt giáo cũng không vào được. Chỉ trừ các chúng Bồ-tát tín lực bền chắc. Lại hàng Viên quán thập tín chỉ hay tin hiểu cũng chưa vào được, chỉ hàng thập trụ sơ tâm mới vào được.

Hỏi: Thập tín sao chẳng tự giải thoát mà nhập tự?

Đáp: Ý Thông giáo thì thế nhưng nghĩa Biệt giáo không phải vậy. Như người biết nhà kia có vật nhưng chưa chắc đã vào được bên trong. Nay nói nhập là chứng được Sơ trụ để hiển bày pháp thân mà được gọi là nhập. Như trong khai thị ngộ nhập của sơ trụ mà luận. Ý có phẩm này do từ trước xa mà có. Các Bồ-tát bị chê trách trụ ở Thông giáo và địa ở Biệt giáo từ trước đến nay đều được vào vị Vô sinh nhẫn của môn này. Nay muốn hiển sáng thành giáo của Biệt viên đối với nhị môn không còn câu chấp, thông suốt không ủng trệ, cũng không trụ ở chẳng thông. Lại tiến lên mà luận về phần ủy dụ và điều phục trong thất trên, có nói: Nay bệnh ta không phải thật không phải có, bệnh chúng sinh cũng không phải thật, không phải có. Trên chỉ nói ý đó mà văn quá tóm tắt. Nay muốn nói song dụng của Trung đạo là pháp ấy, nên có phẩm này. Lại nữa, phẩm Quán Chúng Sinh trên thì phải ba đế cùng quán. Không có trung giả mà chẳng có không, chính là nhập không, tức là thật trí. Một phẩm Phật Đạo phải là ba đế cùng chiếu. Không có không, trung mà chẳng có giả, chính là xuất giả, tức là quyền trí. Cũng chưa dung thông khiến quyền thật không hai. Giống như trời đất, âm dương, nếu không giao hợp thì muôn vật không sinh. Nên nếu quyền thật cách biệt thì thật tuệ không sinh. Nay muốn hiểu quyền thật này hiển bày Trung

đạo, nên có phẩm này. Lại nữa, môn nói là hay thông thương, thì không phải chỉ thông nhập mà cũng là thông xuất. Hai mà chẳng hai thì gọi là thông nhập, chẳng hai mà hai thì gọi là thông xuất. Bồ-tát Thông giáo từ tư nghị hữu tác hai đế mà nhập. Không thấy Trung đạo, chấp có sinh tử Niết-bàn là được. Cho nên khi đem Biệt giáo mà tiếp thông thì nói là thấy Trung đạo, gọi là nhập. Đây là hai mà chẳng hai gọi là nhập Trung đạo. Nếu từ biệt giáo mà chiếu về sum la vạn tượng, tục đế tư nghị mà phần đoạn thì tức là chẳng hai mà hai, gọi là xuất. Lại còn không phải chỉ không hai gọi là nhập, mà hai cũng gọi là nhập. Pháp môn vô lượng nhiều thứ không đồng. Như kinh Pháp Hoa nói: Trưởng giả xây cất nhà cửa, năm thứ đục để vui đùa, vàng bạc kho lẫm mọi thứ đều có đủ. Đây là chiếu tục đế bất tư nghị, không hai mà hai gọi đó là xuất. Từ đó ở Trung đạo mà chứng xuất nhập ấy, không giống với tục đế tư nghị ở ngoài cửa mà luận về xuất nhập. Như ngài Xá-lợi-phất và Thiện Cát khi được Phật gia bị nói Bát-nhã để lãnh gia nghiệp. Đây cũng từ hai mà nhập vào Không hai. Gia bị khiến như thế mà thôi, không phải là thật ngộ nhập. Nếu hiểu rõ các vật ra vào khắp cả hiểu rõ tục đế bất tư nghị mới thật là ra khỏi nhà cỏ của Nhị thừa. Lúc đó gọi là từ hai bất tư nghị mà ra khỏi “không” ai tư nghị. Nay nói vào cửa “không hai”, tức là cửa không hai bất tư nghị.

III. Giải thích văn: có ba phần:

1. Ngài Tịnh Danh hỏi.
2. Các Bồ-tát đều nói.
3. Nghe phẩm này được lợi ích.

Các sư đều nói có ba mươi ba Bồ-tát. Nếu dựa theo văn này có năm ngàn người đều nói nhưng chỉ nói có ba mươi ba vị ấy là có biểu thị. Nay nêu ba nghĩa để giải thích qua:

a) Nói ba mươi ba là biểu thị cho trời Tam thập tam có niềm vui không chết. Bồ-tát tức là trời Tam thập tam cùng nói môn “không hai”, tức là cam lộ không chết, tức là dụng ba mươi ba đối với bốn mươi hai địa, dùng ba mươi đối với ba mươi tâm, dùng hai đối với Đẳng giác và Diệu giác, dùng một để đối với Thập địa. Đây là hợp địa mà khai ba mươi tâm. Nếu như kinh Nhân Vương nói mười bốn cõi là hợp ba mươi tâm làm ba. Khai mười Địa là mười, Diệu giác là một. Cũng đối với bốn mươi hai tự môn của Đại phẩm. Trước là chữ A sau là chữ Đ. Chữ A đầu gọi là các pháp đầu tiên không sinh. Trong đó pháp đầu tiên rất tự tại, Bồ-tát nói pháp môn Bất nhị không sinh không diệt. Nếu nghe môn

chữ A tức là hiểu theo nghĩa. Chữ A đầy đủ bốn mươi hai công đức, chữ ĐỒ sau cũng đủ bốn mươi hai chữ công đức, bốn mươi chữ giữa đều đủ bốn mươi hai công đức. Cho nên Sơ địa liền đủ bốn mươi hai địa công đức. Nếu trong không phân biệt mà luận phân biệt, không hai mà hai, nói có bốn mươi hai địa. Nếu trong phân biệt mà phân biệt, mà hai không hai, thì trong một địa đều có đủ các địa. Trong một chữ đều đủ các chữ. Qua chữ ĐỒ không có chữ có thể nói, như ngài Duy-ma là địa Diệu giác chữ ĐỒ sau cùng. Thế nên yên lặng không nói. Phải biết ba mươi ba Bồ-tát tức biểu thị cho ba nghĩa này.

b) Tự hành mà nói, giống như năm trăm Tỳ-kheo mỗi người đều nói nhân của mình, Như Lai ấn định mỗi mỗi Tỳ-kheo đều là chánh thuyết. Nhưng vì ước vào một pháp mà được thấy chân đoạn kết. Nay bèn nói quán nên riêng khác không đồng, gọi là mỗi người đều nói nhân của mình, thấy lý không khác nên nói đều là chánh thuyết. Ba mươi ba vị Bồ-tát này cũng thế. Lý vô sinh không khác mà nhập môn không đồng, quán pháp đều khác nên có ba mươi ba thứ. Như nói Nê-hoàn là chân pháp bảo, chúng sinh dùng nhiều thứ môn mà vào.

c) Về hóa tha mà nói, tức là tùy bốn Tất-đàn mà có ngộ không đồng. Ước vật có khác đến nỗi có sai biệt hẳn. Người thật hành chưa nhập lạc vô sinh, lại nghe không sinh không diệt tức là tùy thế giới. Hoặc chấp sinh diệt tức dùng không sinh không diệt liền bài bác sinh diệt ấy tức là tùy đối trị. Hoặc có người nghe pháp khác không sinh thiện tâm. Nếu nghe không sinh không diệt đều mất hai biên thì thiện tâm liền tiến phát. Tức là vì người tùy được chỗ ngộ. Cũng là quán năm ngàn ngộ được Vô sinh nhẫn, tức là Đệ nhất nghĩa vậy. Căn cứ vào một môn đều có đủ bốn ý: Ngã, vô ngã; thường, vô thường; cấu tịnh, khổ lạc... cũng thế.

Căn cứ Biệt Viên mà phán quyết. Nếu là ba mươi một Bồ-tát đều dùng có nói năng, nói với không nói đó gọi là Biệt giáo. Ngài Văn-thù dùng không nói mà nói không nói. Ngài Tịnh Danh lại dùng không nói mà không nói, đó gọi là Viên giáo. Viên giáo có hai thứ: Một là Thánh nói pháp; hai là Thánh yên lặng.

Về Thánh nói pháp, Thánh gọi là chánh, chánh tức Trung đạo. Bèn không phải nói cùng không nói, cũng được luận nói và không nói. Thế nên Văn-thù hiển bày Thánh nói pháp bất tư nghị, nên dùng không nói mà nói không nói. Còn ngài Duy-ma hiển bày Thánh yên lặng nên dùng không nói. Không nói đây là Thánh nói tức là yên lặng, yên lặng tức là Thánh nói. Nên Đại kinh nói: Nếu biết Như Lai thường không nói

pháp, đó gọi là nghe nhiều.

Hỏi: Nếu nói tức là Không nói, trước ba mươi mốt Bồ-tát dùng có nói mà nói không nói, đều là Viên giáo ư?

Đáp: Làm mỗi mỗi môn mà phán quyết được nhập vào Không nói là ý của Biệt giáo. Nếu làm một môn bất sinh bất diệt mà hay nhiếp được bốn mươi hai Địa, tức là ý của Viên giáo. Trong đây tuy chỉ có ba mươi ba người, nhưng thấu tóm để nói không ngoài bốn môn. Như Thích luận nói Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, tuy nói tất cả thật không phải thật... đều là nói Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Nay bốn môn này cũng thế. Tuy bốn môn không đồng mà đều là nói Trung đạo Bất nhị môn. Pháp Tự tại là nói Bồ-tát này đối với pháp ba đế mà được tự tại. Như trên nói: Thể không bệnh nên tay chân tự tại thì thân tự tại. Nay đây cũng vậy. Ở lý Trung đạo không sinh ái kiến, thì quyền thật hai dụng được tự tại, tuệ cũng không trói buộc thể dụng tự tại. Nhưng đây vẫn là tên. Sinh diệt là hai, là sinh tử Niết-bàn đối nhau làm hai. Nếu thấy tất cả chúng sinh tức tướng Niết-bàn, không còn diệt nữa. Các pháp từ xưa nay luôn là tướng tự vắng lặng, đâu được có sinh. Đã là vô sinh thì chỗ nào mà luận diệt, không sinh không diệt, hai biên đều mất, không còn có hai. Nhân ngộ Trung đạo, khi thấy lý thì gọi là môn. Nếu không ngộ thì đều là tùy tình không phải là môn.

Hỏi: Nếu nói không sinh không diệt là nhập môn Bất nhị, như Phú-lan-na cũng nói không sinh không diệt, sáu mươi hai kiến cũng chấp có không sinh không diệt là tạng bất khả thuyết cũng đáng là môn nếu không phải, thì có những khác biệt nào?

Đáp: Sáu mươi hai kiến tà tâm hư vọng, đều là theo tình mà nói không sinh không diệt, không phải là môn tùy trí mà ngộ đạo, còn không được lý Tiểu thừa, huống là được đồng với môn không sinh không diệt bất tư nghị.

Hỏi: Nếu thế thì trong Tam tạng giáo có môn hữu vi sinh diệt, có môn vô vi không sinh không diệt, với không sinh không diệt này có gì khác?

Đáp: Tam tạng giáo đã nói môn không phải sinh không phải diệt. Đây chính là ngộ lý thiên chân của hữu tác Tứ đế, đắm nhiễm ở pháp, chấp có Niết-bàn, không phải ngộ Phật tánh Trung đạo là môn cùng mất có, không sinh không diệt. Lại nữa, bốn môn của Thông giáo thể nhập sắc như huyễn hóa, như ảnh trong gương, bốn cú “trường hợp) không được mà nói là sinh, thì cũng như huyễn hóa giả nói là sinh, như ảnh trong gương diệt, thì giả nói là diệt. Không đồng với hình tượng

ngoại đạo mà chấp tánh sinh diệt, chỉ giả nói sinh diệt mà thôi. Đó gọi là hữu môn trong Thông giáo.

Không môn, tức huyễn sắc là Không, không đợi huyễn diệt mới là Không.

Môn cũng có cũng không, huyễn sắc không thể thấy mà thấy, thấy mà không thể thấy, tức là môn cũng có cũng không. Môn không phải sinh không phải diệt, tức là huyễn sinh còn không thể được, hướng là có huyễn diệt, vì sinh diệt không thể được, nên nói không phải sinh không phải diệt. Đây khác nhau thế nào?

Đáp: Nếu Thông giáo chưa ngộ mà chấp theo đây, thì là tùy tình mà nói. Nếu được ngộ chân, thì là môn thiên chân bất sinh bất diệt, không phải là Trung đạo môn không hai. Nay trong đây nói bất sinh bất diệt đều không đồng như trên nói, tóm lại lấy phàm phu làm sinh. Nên Đại Tập nói: Ngoài pháp nhiếp tâm, phàm phu dựa vào thiên hữu lậu trở lại chịu sinh tử. Hàng Nhị thừa và Bồ-tát Thông giáo chỗ chứng Niết-bàn đều đồng là diệt, như pháp diệt nhiếp tâm ở sau. Nay nói không sinh không phải phàm phu, không diệt không phải là diệt của Niết-bàn Nhị thừa, chính là phá cái chứng Niết-bàn diệt ở hóa thành. Không đồng với Thông giáo, chứ chẳng phá chỗ được của Thánh nhân. Phàm phu thì chịu phần đoạn sinh tử, Nhị thừa thì chịu báo biến dịch. Nay nhập vào môn bất nhị thì lia hai biên này, mà lấy Trung đạo làm môn. Nên ngài Long Thọ nói kệ rằng: “Tuy chưa được thoát tử địa, thì mình đã được thoát.” Nếu ước Thông giáo mà giải thích thì Bồ-tát đã đoạn chánh sử phải thọ sinh các hữu khác là do lòng từ bi vì vật, chứ không phải thật báo của mình, nên nói đã được thoát. Nếu dựa theo ý Biệt giáo, thì người đã đoạn phần đoạn, dẹp trừ vô minh, tức từng phần mà thoát hoặc chưa thoát, thì chưa khỏi được sinh các đời khác.

Đức Thủ, tức là pháp ba đức giữ gìn không mất, lý thật tướng thích giữ bền chặt, từ đây mà đặt tên. Ngã và ngã sở là hai, đã không ngã thì không có ngã sở, hoàn toàn lời nói này giống như không môn, sao lại là Bất nhị môn. Chỉ trong Biệt giáo đủ cả bốn môn. Hoặc tùy căn tánh muốn vào đạo không đồng, hoặc vì phước cơ hóa vật có khác, cần phải tu bốn môn để tiếp dẫn, không chỉ có một môn, không phải có không phải Không. Đây tuy giống không môn, nhưng trọn là Bất nhị, tức là Không của trung. Nếu Nhị thừa đoạn ngã mà thấy Đế được nhập Niết-bàn. Thì đây chỉ là ngã không mà ngã sở chẳng không, vì được Niết-bàn. Nên nói “Đời ta đã hết, việc làm đã xong”, phải biết đây là sở vẫn chưa không. Nay nói không, là như văn trên có nói: Ngã và Niết-bàn là hai

thứ đều không. Ngã không nên không sinh tử, Niết-bàn không nên là sở không, nên nói cả hai đều không, bệnh không cũng không. Cả hai biên đều trái thì ắt nhập vào pháp môn Bất nhị.

Bất Thuấn, về sự mà giải thích, thuấn là mắt người chỉ nhìn lên, mắt trời thì trên dưới đều thấy. Như đảnh sinh trên Đao-lợi, cả hai vua cùng ngồi mà không thể biết khác nhau, chỉ cách nhìn có khác mà thôi. Nếu nhìn lên thì nói là đem trí đến cảnh, nếu trên dưới cùng nhìn là trí và cảnh cùng phù hợp. Bồ-tát không thể, không động không nhìn. Hoặc có thể từ đây mà được tên. Về lý mà giải thích, thì người trời động mi là thấy hai tướng, chỉ thấy sinh tử Niết-bàn. Bồ-tát không động không thấy, là thấy tướng không hai, tức thấy lý Trung đạo vậy. Từ đây mà được tên. Thọ, không thọ là hai. Không thọ có năm thứ. Như cái dụng rộng lớn của Bất thọ Tam-muội trong Đại phẩm thì không thấy thọ và không thọ, cả hai đều không đấm trước, nên thọ và không thọ đều bỏ. Nếu bỏ thọ mà chấp Không thọ tức là có lấy và bỏ. Có lấy thì có tạo tác nên có hành. Nay cả hai đều mất, không lấy không bỏ, không tạo không làm là Bất nhị pháp môn. Thọ tức là phạm phu thọ báo hai mươi lăm hữu, không thọ tức là hàng Nhị thừa khi được quả A-la-hán. Không thọ các pháp, lậu hết, ý giải. Nay nhập Bất nhị thì không đồng thọ của phạm phu, nên không lấy, cũng không đồng với không thọ của Nhị thừa, nên không bỏ. Không lấy không bỏ là tên của Bất nhị pháp môn.

Đức Đảnh, trong pháp Thanh văn là đảnh thiên, là cao nhất trong các thiên. Nay nói Bồ-tát này nếu không có đức Trung đạo thì ắt có đảnh đạo. Có đức Trung đạo nên không có đảnh đạo. Không có ái thuận đạo, nên gọi là đức đảnh.

Cấu tịnh là hai, như ở cõi Dục thì khổ tập là cấu, Phi tướng định lìa hạ địa nên là tịnh. Như tam giới, kiến tư là cấu, hàng Nhị thừa đoạn cấu tam giới là tịnh. Tịnh không thể là cấu. Cấu không thể là tịnh, thế nên là hai. Nay quán thật tánh của cấu này cũng như hư không, tướng hư không thì không cấu không tịnh, tất cả pháp đều như. Tướng tịch diệt, tức là thuận tịch diệt. Đã cấu tịnh là hai, thì không thuận không diệt. Nay không thấy có cấu tịnh, cả hai đều mất hai biên mà được nhập Trung đạo.

Thiện Túc, là tên của tinh tú, hai mươi tám tinh tú đều thuộc năm sao. Năm sao đã phối hợp cho đến năm ấm. Nếu ở lý mà nói, tức được Nhật tinh tú Tam-muội, do đây làm tên. Là động là niệm. Cảnh giới sinh diệt gọi là động, tâm quán cảnh thì gọi là niệm. Đó là hai biên, nên có phân biệt. Nay thấu suốt tánh cảnh không động, thấu suốt tánh tâm

không niệm. Đã biết tâm không niệm, thì cảnh cũng không động. Đó là nhập Bất nhị pháp môn.

Thiện Nhãn, là tên của thuận lý, vì tuệ nhãn nên thấy được một ít Phật tánh, gọi là thiện nhãn. Nhị thừa tuy có tuệ nhãn nhưng không thuận Trung đạo. Không thấy Phật tánh nên gọi là bất thiện. Bồ-tát này do thấy thiện lý mà được tên.

Một tướng không tướng là hai, người khác giải thích có ba, hoặc nói một tướng hơn không tướng. Vì sao như thế, sinh tử là có tướng, Niết-bàn là Không tướng. Đối có tướng mà nói không tướng cũng thành có tướng. Trung đạo không đối có tướng, nên gọi là một tướng hoặc nói không tướng hơn một tướng. Sinh tử sinh diệt là hai tướng, Niết-bàn không sinh không diệt là một tướng. Một tướng này cũng là đối với hai mà được tên. Cũng gọi là Trung đạo hai tướng, không có hai tướng cũng không có một tướng, hoặc nói là ngang nhau. Vì sao? Vì trong chân đế tự có một tướng và không tướng, trong Trung đạo tự có một tướng và không tướng, nên nói là ngang nhau. Lại Tỳ-đàm có nói: “Một pháp hai tướng.” Một pháp là tùy dựa vào một pháp, hoặc là tâm pháp hoặc là phi tâm pháp. Chỉ đem tâm mà ước vào một pháp này, liền có hai tướng sinh diệt. Hoặc trụ hoặc khác, hoặc lớn hoặc nhỏ... Nếu ước vào bốn pháp là có tám tướng. Tám tướng đều ước vào một pháp mà khởi, nên gọi là một pháp. Vì ước vào pháp nên ắt có hai pháp cho đến tám pháp, nên gọi là hai tướng. Nếu không được một pháp này, thì cũng không được tám pháp. Tám pháp đã không tức là Không tướng. Tuy có giải thích này, nay đều không dùng. Nay lấy Thích luận mà phá trung nhất thời, tướng cùng pháp là một cũng không thể được, tướng cùng pháp là khác cũng không thể được. Trong không phải một không phải khác mà luận một và khác. Cũng như trong tất cả số chỉ có một pháp lại không có hai. Như tâm là một pháp, ước vào bình nên nói một bình. Lại thêm một gọi là hai, ba cái một gọi là ba, bốn cái một gọi là bốn. Như thế trăm ngàn vô lượng cũng không ngoài một, nên nói một tướng không tướng là hai. Nếu không được một tướng, cũng không được không tướng, mà một tướng không tướng đều không, nên gọi là Bất nhị môn. Lại A-hàm Tăng Nhất nói nghĩa rằng: Tỳ-kheo chỉ có một pháp, gọi đó là tâm. Lại có hai pháp tức khai tâm làm sắc. Lại có ba pháp tức khai tâm làm bốn cho đến vô lượng, đều ước vào một tâm mà sinh ra. Nếu không được tướng một tâm thì cũng không được tất cả tướng từ tâm sinh ra. Thấu đạt hai biên này thì biết tướng của tâm không phải một, tướng từ tâm sinh ra cũng không phải nhiều tướng, mà có thể là một tướng hoặc nhiều

tướng, một và nhiều này không một không nhiều, rốt ráo thanh tịnh đều mất cả một và hai, mà gọi là bình đẳng. Bình đẳng nên là nhập Bất nhị pháp môn. Lại dựa theo ba thoát môn, dùng mười tám không mà phá tất cả pháp, cũng còn có cái không, nên nói là một tướng. Kế phá bệnh không. Bệnh không cũng không, nên gọi là Không tướng. Không được không tướng cũng không có vô tướng, nên nói nhất tướng, vô tướng cũng không thể được, gọi là nhập Bất nhị pháp môn.

Diệu Tí, hoặc dùng diệu trong sự nên được tên. Hoặc quyền thật hai trí là hai. Trí xảo diệu này từ đây mà được tên.

Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn là hai, Thanh văn sợ hãi sinh tử, tự lấy giải thoát. Còn Bồ-tát không sợ ở trong sinh tử. Tâm Nhị thừa không thể là tâm Bồ-tát, tâm Bồ-tát không thể là tâm Nhị thừa. Nhị thừa trụ ở tâm điều phục, còn Bồ-tát không trụ ở điều phục, tâm điều phục và không điều phục, thế nên là hai. Nếu hay quán tâm tánh này cũng như hư không. Trong không chẳng thấy có tâm, hưởng lại thấy có mình khéo vì người khác, là hai thứ khác nhau. Vì tâm tánh không, nên không đấm trước hai biên, là nhập Bất nhị pháp môn.

Phất-sa, là tên sao, nói là sao quỷ trong hai mươi tám sao. Bồ-tát lúc sinh ra cùng tương ứng với sao này.

Thiện, bất thiện là hai, chấp mười thiện, mười ác là hai, mất thứ thiện ác này dẹp trừ nghiệp phần đoạn chỉ thành Bất nhị môn của Thông giáo. Nay chấp tâm ba cõi là bất thiện. Vì trái lý nên chấp Nhị thừa thoát khỏi sinh tử vào chân đế là thiện, do đó mà có hai. Thấu đạt thiện và bất thiện tức là thật tế. Thật tế tức là Không. Trong không còn không thấy khởi thiện, hưởng là bất thiện, tánh nó vắng lặng, cả thiện và bất thiện đều mất. Đó là nhập Bất nhị pháp môn. Sư tử là tên loài thú không biết sợ. Như Niết-bàn Sư Tử Hống giải thích: Quyết định nói lý ba đế mà tâm không sợ sệt, do đây mà được tên.

Tội phước là hai. Trước thiện ác từ nhân do nhân mà luận Bất nhị. Nay nói tội phước là từ quả. Gọi là tội vì tội nghiền nát thân tâm người tu. Phước là phước báo. Nếu chấp tội phước thế gian, đây chỉ thành Bất nhị môn của Thông giáo. Nay lấy quả giàu sang của tam giới mà thọ thân thì đều gọi là tội. Nhị thừa gọi là Không tội, vì tử phước đã đoạn hay ra khỏi tam giới. Đại phẩm có nói: Ma-ha Na-già gọi là Không tội, không tội tức là phước, có tội tức là sinh tử, không tội tức là Niết-bàn, lấy đây làm hai. Nay thấu đạt tánh tội phước này là Không trói cột cũng không giải thoát. Tướng ngũ nghịch tức là Bồ-đề, đâu thể lìa tội phước này mà riêng tìm giải thoát, tức là Không được tội cũng không được

phước. Hễ hiểu rõ tướng này tức là nhập Bất nhị pháp môn.

Sư Tử Ý, như sư tử không sợ tất cả, vì được tướng mạnh mẽ Thủ-lăng-nghiêm.

Hữu lậu vô lậu là hai. Lậu là rơi rụng đọa lạc, vì khởi tội mà đọa lạc tam đồ. Lại lậu là rơi mất, tức lui sụt thiện pháp xuất thế. Hai nghĩa này cũng giống nhau, chỉ do lui sụt mất pháp xuất thế nên đọa lạc ở tam đồ. Chỉ vì đọa lạc tam đồ bởi lui sụt mất pháp thiện xuất thế. Vô lậu là Không lui sụt mất pháp xuất thế, cầu nhập Niết-bàn ở tam giới gọi là vô lậu. Đây cũng khác nên là hai. Nếu quán tánh lậu và vô lậu này là một tánh, bình đẳng Không sai khác, không phải sinh tử lậu, cũng không phải Niết-bàn vô lậu. Vô lậu tức là Không tướng, lậu tức là có tướng. Khi thấu đạt tánh này thì không còn chấp trước vào tướng hai biên, tức là nhập Trung đạo Bất nhị pháp môn.

Tịnh Danh hiểu rõ, hữu vi chưa ắt là hữu lậu, như được vô lậu cũng là hữu vi. Hữu vi là đủ cả ba tướng. Vô vi là ba thứ vô vi tức là hư không vô vi, số duyên diệt và phi số duyên duyệt vô vi. Vô vi hữu vi, số phi số pháp, thế nên gọi là khác. Nhưng ba thứ vô vi thì một là Niết-bàn, hai là Không phải Niết-bàn. Số duyên không được là hư không, hư không không được là phi số “không phải số”. Ba, là tuy mỗi thứ khác nhau nhưng lại là số pháp. Nay đem lìa tất cả số đối với số kia là hai. Thấu đạt hai thứ này thì như hư không, không thấy có số hay không phải số “phi số”, lại không có hai biên, không hề trệ ngại tức nhập Bất nhị pháp môn.

Na-la-diên, là Đại lực kiện tướng Tam-muội, nên từ đây mà được tên. Phạm phu gọi là thế gian, Nhị thừa là xuất thế gian, xuất cùng không xuất là hai. Nay quán thế và xuất thế này không xuất cũng không đến. Đại phẩm nói: Là thừa này không động không đến không xuất, vì tánh nó là Không, nên không có tướng xuất hay không xuất, gọi là nhập Bất nhị pháp môn.

Thiện Ý, sinh tử là trói cột, là thế, Niết-bàn là giải thoát là diệt, là hai thứ. Nay quán sinh tử xưa nay thường vắng lặng, vốn tự không trói cột sao cần luận giải thoát. Lại cũng không thế há lại là diệt. Đã thế và diệt không hai thì là nhập Bất nhị pháp môn.

Hiện Kiến, là hết. Tức Nhị thừa kiến tư đã hết. Không hết là phạm phu sinh tử không bờ bến. Nay quán hết và không hết đều không, không thì chẳng thể hết, chẳng thể không hết. Nên nói si như hư không, chẳng thể hết. Lão tử như hư không chẳng thể hết. Không phải hết, chẳng không phải hết. Nếu lấy hết mà nói thì rất ráo không, nếu lấy

không hết mà nói thì diệu sắc rỗng sáng luôn an trụ, không bị sinh tử dời đổi. Đã không phải hết và không hết thì không có hai biên, được nhập Bất nhị pháp môn.

Phổ Thủ, tức là khéo giữ thật tướng, khéo hộ trì Bồ-đề, không một thứ nào lậu thất từ đây mà được tên.

Ngã, vô ngã là hai, ngã tức là sự chấp chặt của phàm phu; vô ngã tức không cảnh của Nhị thừa. Nay thấu suốt hai biên này tức không có hai tướng, nên đối với ngã và vô ngã mà không hai, gọi là thật tánh. Tánh của thật tánh tức là Phật tánh, vì ngã tự tại gọi là chân vô ngã. Như Đại phẩm nói. Đã không hai tức là Trung đạo.

Điện Thiên, là quán Đệ nhất nghĩa, trời phát điện thiên Tam-muội thấy lý làm tên.

Minh và vô minh là hai. Vô minh tức là minh. Nên nói mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là minh, nên nói Phật tánh chúng sinh sáng như mặt trời bị phiền não che lấp nên mờ tối như sơn. Kinh Niết-bàn nói: Minh cùng vô minh, tánh nó không hai. Tánh không hai tức là thật tánh, thật tánh tức là Phật tánh. Minh có ba thứ: Bồ-tát minh tức là Niết-bàn, Phật minh tức là Phật nhãn, Vô minh minh tức là rốt ráo không. Vì không nên đâu có minh và vô minh khác nhau, khác và không khác nên không. Vì không nên nhập Bất nhị pháp môn.

Hỷ Kiến, tất cả hỷ kiến của chúng sinh từ đây có tên.

Sắc và sắc không là hai, đây là diệt sắc là Không. Nay tức sắc là Không, mà không được diệt sắc là Không, nên nói là Bất nhị môn. Cho đến năm ấm đều thế. Nếu ngay đây mà luận thì chỉ là Thông giáo. Nay luận sắc pháp tánh... tức là thật tánh. Thật tánh tức là Trung đạo diệu sắc. Bèn gọi là nhập Bất nhị pháp môn.

Minh Tướng, là bốn thứ, bốn đại chúng cùng không chủng là hai. Bốn chủng vây quanh hư không mà trụ, nội ngoại đều không. Đều không tức là Không có bốn chủng. Bốn chủng cùng không chủng không khác, nên đều mất cái chủng không và hữu, tức nhập Bất nhị pháp môn.

Diệu Ý, nhãn và nhãn sắc là hai. Vô Tận Ý bố thí hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Nếu lấy hai pháp này là hai, bèn thành ý của Thông giáo, nhưng chưa hiển sáng môn Bất nhị. Nay lấy lục Độ dạy Bồ-tát bố thí mà không hồi hướng cầu Phật thường trụ. Thông giáo thì hay bố thí hồi hướng Nhất thiết trí làm hai. Nay nói tánh bố thí tức tánh hồi hướng. Không có riêng lục độ của Thông giáo, ấy là nhập môn Bất nhị. Lại thí... là nhân, Nhất thiết chủng trí là quả, đó là hai. Lại tự hành lục Độ là thiện thì ít, vì hồi hướng quả mà hành lục độ thì phước ắt nhiều. Nhiều ít

là hai. Quán hai tánh này không khác nên gọi là Bất nhị pháp môn.

Thâm Tuệ, không và vô tướng... là hai. Ba không của Thông giáo duyên với chân đế, ba không của Biệt giáo duyên với thật tướng đã nói đầy đủ ở Thích luận. Bốn hàng từ vô tướng duyên diệt trở đi tức là pháp vô vi. Mười hai hàng từ không vô tác duyên với khổ tập đạo trở đi là hữu vi. Nên ba đế nhập vào tướng hữu vi. Tướng hữu vi tức là pháp hữu vi thế gian. Vô tướng duyên với diệt là pháp vô vi, nên là hai. Nay nói không thấy tánh không, khác với vô tướng. Không thấy vô tướng khác với vô tác, tức là thật tướng. Trong thật tướng còn không thấy một, làm sao có hai. Hai thứ đã đều mất tức được nhập Bất nhị pháp môn.

Tịch căn, tức ba căn vô lậu từ thật tướng tịch diệt sinh ra, cũng là quán sáu căn được thanh tịnh, tức là tịch căn, dùng đây làm tên. Phật, Pháp, chúng Tăng là Tam bảo, sao được là hai? Đã nói Tam bảo, Tam bảo riêng khác. Vì khác nên không gọi là như, không như nên là khác, là hai. Lại giải Phật cùng chúng Tăng đều là người. Nên nói chúng sinh cao tốt nhất là Phật. Pháp cao tốt là Niết-bàn, đó là pháp được làm, nên cùng người là hai. Đây là Tiểu thừa nói về biệt thể Tam bảo, thêm bậc khác nhau không đồng, nên gọi là khác, vì khác nên là hai. Nay quán Tam bảo là một thể, nhập vào trong một thật tướng không, không thấy có ba tướng khác nhau. Phật tức là Pháp và Tăng, Pháp tức là Phật và Tăng, Tăng tức là Phật và Pháp. Vì sao? Vì Phật có ba thứ là Pháp, báo, ứng, là một thể mà luận ba. Không phải là ba thân khác nhau mà nói có ba Phật. Ba Phật đã không khác. Pháp tức báo và ứng lại không sai khác. Nay ở ba thân mà nói về Tam bảo, thì pháp thân tức là thật tướng chư Phật không đến không đi. Tánh pháp tánh tức là pháp bảo. Báo thân là trí. Trí chiếu tròn sáng khế hợp với pháp tánh, phát sinh ra minh giác mà hiển hiện pháp thân gọi là Phật bảo. Ứng thân thì tùy duyên hóa vật, cùng vật hòa đồng nhau. Lại ứng thân này hòa đồng với pháp thân, đồng với thật tướng. Vì hai nghĩa này đều là Tăng bảo. Cả ba thứ này chưa từng khác nhau, nên biết là Không hai.

Lại nữa, ở pháp Phật mà nói Tam bảo thì pháp thân là pháp tánh, pháp tánh tức thật tướng, luôn luôn không biến đổi, đó là thầy của pháp Phật, pháp làm khuôn mẫu, nên gọi là Pháp bảo. Tánh của pháp tánh cũng gọi là Thường tịch quang, tịch mà thường chiếu. Văn trên có nói: “Thất ấy thường có sắc vàng chiếu sáng, ngày đêm không khác, không cần nhờ mặt trăng mặt trời soi chiếu, tức là trí tánh, gọi là giác, tức là Phật bảo. Đây nói Minh giác cùng pháp tánh hòa đồng, cảnh trí tương xứng, nên gọi là Tăng bảo. Tức ở trên pháp thân mà luận Tam bảo.

Lại nữa, trí chiếu tròn sáng là nghĩa của giác, gọi là Phật bảo. Pháp viên chiếu là nghĩa làm khuôn phép tức là Pháp bảo. Trí báo Phật này cùng lý tương ưng thuận như, tức là Tăng bảo. Đây là ở báo Phật mà luận ba nghĩa.

Ở ứng thân mà nói về Tam bảo, thì ứng thân chiếu cơ được thích nghi, cũng là tự giác giác tha, gọi là Phật bảo. Ứng thân vì vật làm khuôn phép là Pháp bảo. Hòa quang độ vật, cùng vật hòa đồng nhau, gọi là Tăng bảo. Tuy trên thật tướng mà phân làm ba thân, ba thân phối hợp nhau là Tam bảo. Trong Tam bảo đều có Tam bảo. Phàm mười hai bảo chưa từng có khác. Vì không khác nên không có người và pháp khác nhau, mà nhập vào thật tướng Bất nhị môn. Nghĩa của Tam bảo đã thế, thì các pháp cũng thế. Nên văn trên nói: “Tất cả chúng sinh như và Di-lặc như, không hai không khác”.

Tâm vô ngại, là quán ba đế thông suốt không có trở ngại, thân và thân diệt là hai. Nếu kiểm tra phân tích thân này thì không thấy thân đâu, tức là nhân của thân diệt, nhân diệt thì quả diệt. Quả diệt tức Niết-bàn diệt. Diệt tức cùng sinh tử là hai. Nay quán thật tướng thân tức là Niết-bàn nên nói tức sắc là Không. Nói Niết-bàn tức là sắc. Ta tuy nói Niết-bàn là cũng không phải chân diệt. Trong thật tướng còn không thấy thân, thì chỗ nào lại luận diệt. Tức sinh tử là Niết-bàn, tức Niết-bàn là sinh tử. Vì sao? Vì tánh không khác nên không có nhân quả khác nhau, không thấy thân cùng diệt, nên gọi là nhập Bất nhị pháp môn.

Thượng thiện, quán ba đế thuận lý thiện này là cao nhất do đây làm tên. Ba nghiệp là ba, sao được là hai. Cũng giống như giải thích trước. Vì thân không phải khẩu, khẩu không phải ý... đây khác biệt nhau nên luận là hai. Lại thân khẩu là sắc pháp, ý là tâm pháp, sắc tâm là hai. Vì là hai nên tướng ngoài hay động. Nếu nhập vào một thật lý, còn không có ba nghiệp riêng khác, sao có ba nghiệp tác tướng, tánh của tác tướng cùng tánh của ba nghiệp không hai không khác, gọi là Bất nhị pháp môn. Thượng thiện mắt sáng, một tướng và vô tướng đều nhập vào bình đẳng tướng. Đây là từ vô tướng môn mà nhập. Bốn chủng và không chủng đều tức hư không. Đây là từ không Tam-muội mà nhập. Trong đây nói ba nghiệp vô tác, tức là tất cả vô tác. Từ vô tác mà nhập ba môn liền khác. Đồng duyên Trung đạo mà nhập vào trong thật tướng của Bất nhị môn không khác.

Phước Điền, là như chương Tu-bồ-đề trên đã nói. Phước hạnh là phước mười thiện. Tội hạnh là mười ác nghiệp. Không động mà giữ gìn đầy đủ cành lá công đức của bốn thiện, cũng là phước vậy. Lại nói:

Trong ba thiền đều không phải Không động. Sơ thiền thì giác động, Nhị thiền thì hỷ động, tam thiền thì lạc động. Tứ thiền bốn không mới là Không động. Tội phước hai thứ đều là tác pháp. Gọi là động hạnh. Vô lậu chân đế thì vô vi không động. Không thấy hai tướng này, thì không thấy động cùng không động, thấu đạt tánh động tức tánh bất động, còn không khởi bất động hạnh hưởng là tội phước động hạnh ư? Đó là nhập Bất nhị pháp môn.

Hoa Nghiêm, là nêu hai mươi lăm Tam-muội mà phá hai mươi lăm hữu, thấu đạt ngã tánh trong hai mươi lăm hữu. Ngã tánh tức Phật tánh. Ngã của Phật tánh tức chẳng có ngã cùng vô ngã khác nhau, là nhập Bất nhị môn. Vô thức thì ngã và vô ngã đều không hai.

Đức Tạng, tức là kho tàng ba đức, chứa cất muôn hạnh, dùng đây làm tên. Có tướng sở đắc chỉ là một pháp, sao được là hai. Nay nói có sở đắc là đối không sở đắc. Nếu sinh tử là có đắc tức đối Niết-bàn là Không đắc. Nếu đối không có hữu vi lại tức là hai. Tuy nói Niết-bàn không đắc nhưng đối Niết-bàn sinh nhiễm trước thì cũng gọi là có đắc. Vì sao Thân Tử nói: Có cầu chứng đắc đều không phải là cầu pháp, cho nên biết không được sinh tử bèn được Niết-bàn. Nay cứ một mực chấp lấy Niết-bàn là Không, là Không đắc. Nếu không thấy sinh tử là có đắc, không thấy Niết-bàn là Không đắc. Không có sinh tử thì không có buông bỏ, nếu không có Niết-bàn thì cũng không có chấp lấy. Không chấp lấy cũng không buông bỏ, tức là nhập Bất nhị môn.

Nguyệt Thượng, là như mặt trăng tròn đầy trên trời cao chiếu hình xuống khắp các mặt nước. Bồ-tát này trên chiếu lý viên ba đế, dưới ứng vào nước tâm của mười giới, nên gọi là Nguyệt thượng.

Sáng tối là hai thứ. Trước nói minh và vô minh là hai, là luận lý để bày sự. Nay nói sáng tối là mượn sự để hiển bày lý. Cùng nêu sự lý phó cơ không đồng mà vào Bất nhị môn, vì nó là như một. Nếu nói ở lúc sáng thì không tối, lúc tối thì không sáng là khác. Nay thấu đạt tánh sáng tánh tối nào khác. Như trong hư không chẳng phải sáng chẳng phải tối. Sáng tối ước vào Không. Nếu không có hư không thì không có sáng tối. Sáng tối tuy ước vào hư không, mà hư không thật không phải sáng tối, sáng tối không được lia hư không, hư không cũng không được khác với sáng tối. Nếu thấu đạt tánh như hư không, thì không thấy sáng cùng tối khác nhau. Không khác nên liền nhập Bất nhị môn.

Bảo Ấn Thủ, là thật tướng bảo ấn, để ấn trí quyền thật nên gọi là ấn thủ. Ham thích Niết-bàn chán thế gian. Đây lại là cùng sinh tử và Niết-bàn trước nào có gì khác? Sinh tử Niết-bàn dựa theo sự mà nói.

Nay luận về ham thích và nhàm chán ở tâm mà nói. Niết-bàn đáng ham tức là tâm vô vi, sinh tử đáng chán tức là tâm hữu vi. Thế gian tức tịch diệt như tướng Bồ-đề, sao có thể luận chán. Đã nói sinh tử tức Bồ-đề, sao có thể chán Bồ-đề mà lại ham thích Bồ-đề. Nếu vốn có thế gian có thể chán, và Niết-bàn có thể ham thích. Đã không có thế gian thì luận gì để chán, cũng không có Niết-bàn thì chỗ nào để ham. Cả hai thứ đã không, thì nhập vào tướng như thật. Ham chán tự đứt trói cột và giải thoát, như vậy.

Châu Đảnh Vương, chánh đạo tà đạo là hai. Như bỏ tám tà vào tám chánh là đoạn các kiến mà tu đạo phẩm. Nếu dùng tà tướng mà vào chánh tướng, tức là Không hai. Tám tà mà vào tám chánh ở kiến không động mà tu đạo phẩm. Chánh không tức là giải thoát, lại không phân biệt là tà là chánh, lại không hai biên, ấy là nhập môn.

Nhạo Thật, là mền Trung đạo thật tướng làm tên. Thật và không thật là hai. Không thật là tục, thật là chân. Vì đây có hai nên phải có khác. Nay trong thật tướng, không được phàm phu không thật mà gọi là Không tục, không được Nhị thừa là thật mà không chân, tức nhập Bất nhị môn. Vì nhục nhãn không thấy bằng tuệ nhãn, nên kinh Niết-bàn nói: Hàng Nhị thừa tuy có tuệ nhãn gọi là nhục nhãn, người học Đại thừa tuy có nhục nhãn gọi là Phật nhãn. Hàng Nhị thừa tuy có tuệ nhãn nhưng chỉ đoạn kiến tư của tam giới, nên không thấy Phật tánh, vì không thấy nên tuy có tuệ nhãn vẫn gọi là nhục nhãn. Nếu vị Viên giáo sáu căn thanh tịnh, tuy là nhục nhãn do cha mẹ sinh ra, khi ấy đã đoạn phần đoạn kiến tư, thế nên hàng Nhị thừa tuy dùng tuệ nhãn để đoạn hoặc, nhưng chỉ ngang với lục căn của Viên giáo. Nên nói hàng Nhị thừa gọi là nhục nhãn. Sáu căn thanh tịnh này ở vị phương tiện đã quán Trung đạo, tuy là nhục nhãn vẫn gọi là Phật nhãn. Chỉ Đại thừa thấy Phật tánh không đồng. Nếu ước Biệt giáo mà nói, thì nếu chánh quán Trung đạo chưa thấy Phật tánh, là tuệ nhãn. Chiếu hai đế, là pháp nhãn ba đế đồng quán, là Phật nhãn. Đến Viên giáo mà nói, thì ở Đồng Luân vương liền được Phật nhãn, ba đế đồng quán. Nên kinh Niết-bàn nói: Người học Đại thừa tuy có nhục nhãn thì gọi là Phật nhãn. Lời nói này giống như chỉ cho nhục nhãn của lục căn thanh tịnh gọi là Phật nhãn, huống là bậc Sơ trụ ư? Được Phật nhãn này mà quán, há lại phân biệt thật hay không thật, nên gọi là nhập Bất nhị pháp môn. Trong đây nói các Bồ-tát mỗi mỗi đều nói, đầy đủ có năm ngàn, sao chỉ có ba mươi ba vị, ấy là kinh gia nói không đủ mà thôi. Hoặc bản tiếng Phạm nói không hết. Nếu dùng ba mươi ba đối bốn mươi hai Địa, thì năm ngàn người đều

nói, lại đối những gì?

Đáp: Trong một địa có vô lượng pháp môn, hướng là nhiều đến năm ngàn thì có ngại gì.

Ngài Văn-thù nói trong Bất nhị, có hai: Một là, các Bồ-tát hỏi; hai là, ngài Văn-thù nói. Nếu có bày có nói, tức là khởi sóng thì động tâm thức. Nếu không bày không nói thì tâm thức không khởi, lia danh tự mà nhập vào đạo Vô ngôn thuyết. Vắng lặng không tiếng nói, ấy là nhập Bất nhị môn. Nên nói rằng: Tâm khởi tướng tức là si, không tướng tức là Nê-hoàn. Đã chọn xong Bất nhị môn của Biệt Viên như trước...

Nếu làm năm môn đối cơ không đồng. Bồ-tát thấu suốt tánh tội phước không trói cột, không giải thoát. Đây nói nghĩa tánh tức là pháp tánh. Pháp tánh thường trú, không có biến đổi, không do Phật hay Trời, Người, Long thần, A-tu-la... làm ra, trọn không biến đổi, tức là nhập Bất nhị pháp hữu môn. Tuy nói hữu môn, nếu chỉ nói về tánh, tức là hữu môn, nếu nói về tánh không, tức là Không môn. Tùy lời nói xét kỹ mà lấy ý. Nếu dùng thí dụ hay để nói về tâm Thanh văn, tâm Bồ-tát như hư không, như huyễn hóa, đây đều là Không môn. Như điện trời nói tánh vô minh tức là minh. Minh là sắc pháp, đâu không phải là hữu. Lại nói minh cũng không thể lấy, há lại không phải cũng vô. Lại như Niết-bàn nói vô minh và minh, thì cũng là sắc pháp tức có nghĩa hữu. Lại nói tức rốt ráo không. Không tức nghĩa vô. Phải biết đó là môn cũng có hữu cũng không. Pháp tự tại nói: Pháp xưa không sinh, nay thì không diệt, đó là Phi không phi hữu. Như các cặp này, phi môn thì nhiều, ba môn thì ít. Tuy ít nhưng phạm có bốn môn, thì nên tìm xét lời nói mà phán định nghĩa của môn. Các Bồ-tát dùng bốn môn tùy bốn Tất-đàn đạu cơ mà nói. Kẻ đáng được ngộ đều nhập vào pháp nhẫn. Những ai chưa ngộ, thì ngài Văn-thù dùng môn Bất khả thuyết vô ngôn thuyết tạng thứ năm để đạu cơ cho. Cho nên trong đây đây đủ nghĩa cả năm môn.

Hỏi: Bốn môn này mà nói khả thuyết là giáo, nhưng nó là môn bất khả thuyết, sao được là giáo?

Đáp: Ngài Văn-thù nói, còn ngài Duy-ma không nói là bất khả thuyết, đâu được là Không phải giáo. Nên biết năm môn đều được là giáo. Nếu căn cứ bốn Tất-đàn, thì các Bồ-tát nói ba Tất-đàn. Ngài Văn-thù nói Đệ nhất nghĩa Tất-đàn... cũng dùng ý chỉ vô ngôn mà hiển thành việc Bồ-tát nói Bất nhị đều mất. Lại nữa, Thích luận có nói: Tất cả pháp thật không thật, cũng thật cũng không thật, không phải thật không phải Không thật, chư Phật đối với các thứ đó mà nói Đệ nhất nghĩa Tất-đàn. Quán pháp phẩm của Trung luận cũng dùng kệ này. Cho

nên biết chư Phật nói pháp đều ước vào bốn môn này. Nếu thật, tức là dùng môn hữu vi của thật lý pháp tánh. Nếu không phải thật, tức là ước rất ráo không làm môn. Nếu cũng thật cũng không thật, tức là vô minh tức minh của văn trên đã nói. Minh tức là rất ráo không, tức là cũng thật cũng không thật làm môn. Nếu không phải thật không phải Không thật, tức là nghĩa không và có đều không phải. Như dùng Trung đạo không phải Không, không phải có làm môn. Bốn môn như thế để hướng dẫn người vào đạo, nghe nói liền ngộ, như số năm ngàn người kia được Vô sinh nhẫn, tức là thấy Đệ nhất nghĩa. Nếu nghe mà không ngộ, do chấp mà khởi tranh đua, tức gọi là Bất-nhã Ba-la-mật. Thí như trận đại hỏa tai cả bốn bên đều không thể lấy, vì lửa tà kiến đốt cháy. Nếu do các Bồ-tát nói đặc ý liền ngộ. Cũng chấp lời nói chưa hiểu, thế nên ngài Văn-thù không dùng bốn môn, bèn dùng môn thứ năm bất khả thuyết để hướng dẫn người, nghe nói liền ngộ. Đây là Không nói năng cũng là ẩn chứng Bất nhị môn, cũng là định riêng cho Viên giáo. Được ý Viên giáo, tức từ trước đến nay riêng nói không phải sinh không phải diệt... các môn, liền đủ tất cả đều nhập vào trong ấy, tức là ý Viên giáo. Nếu chỉ nói một môn ngộ nhập Bất nhị, liền thành Biệt giáo. Môn Bất khả thuyết cũng như thế. Nếu biết Bất khả thuyết nhiếp tất cả pháp, tức là Viên môn. Nếu chỉ luận Bất khả thuyết môn, thì lại nhập vào ý của biệt môn ấy. Vô ngôn bất khả thuyết tự có sáu thứ:

1. Như ngoại đạo Trường Trảo, cũng nói tất cả pháp ắt có thể phá tất cả chấp, có thể chuyển tất cả luận, có thể phá hoại trong ấy không chỗ nào bất khả thuyết. Sa-môn lấy pháp nào để dụ dỗ vợ con ta. Dầu có thứ bất khả thuyết này bèn là vọng tình chấp chặt, đều gọi là độc khí. Bảo rằng các pháp Không thọ nhận không phải là chân bất khả thuyết. Tâm Phật không có ba độc đã nói từ lâu, tức dùng hai đế khổ tập để chỉ bày mà phá đó. Cái không thọ của ông, ông thấy là có thọ chăng? Nếu thấy là thọ, sao được nói tất cả pháp đều không thọ. Nếu không thấy là thọ, sao được thấy thọ của người khác, tức muốn phá thọ của người kia. Đã lấy thọ mà phá thọ kia, phải biết thọ của ông đối với thọ là đã có thọ. Thọ tức là khổ đế, đối với không thọ này mà khởi kiêu mạn phá hại người khác, tức là Tập đế, trôi lăn ly sinh tử thọ đủ các thọ. Sao lại nói tất cả pháp đều không thọ. Cho nên biết đây không thọ mà thọ, ở đây không lời lẽ nói năng là trong vọng tình mà nói sự thật, ngoài ra đều là vọng ngữ, là những điều phá trừ của Tu-đà-hoàn mới thấy Đế, nên không phải chân ngộ.

2. Đệ tử đạo nhân phần bất khả thuyết thứ năm, tuy học ở Phật

pháp nhưng còn một ngã đản bất khả thuyết.

3. Trong Tam tạng giáo cũng có môn không nói năng. Như ngài Thân Tử nói: Tôi nghe trong giải thoát không có nói năng, nên không biết gọi là gì, thì cũng là bất khả thuyết.

4. Thông giáo cũng có bất khả thuyết. Đại phẩm nói: Hàng ba thừa đồng cùng không nói năng, là Đệ nhất nghĩa đạo đoạn phiền não nhập Niết-bàn.

5. Biệt viên hai giáo dĩ nhiên là cùng có môn này. Làm sao biết? Tưởng nó cần phải xem kinh mà tìm. Trong kinh không hoàn toàn nói rõ, tìm kỹ ắt có như trước. Nếu từ trước đến đây nói ý của Tam tạng giáo mà cũng có không nói năng thì phải biết là thuộc giáo ấy. Nếu luận về nghĩa tướng Thông giáo mà được không nói năng, thì tức là thuộc giáo ấy. Nếu riêng nói các hạnh vị của Bồ-tát, kể nói không nói năng là thuộc giáo ấy. Nếu là Viên giáo nói một pháp hành nhiếp tất cả pháp hành, kể dùng không nói năng, đó là Viên giáo. Trước cần phải biết ý trong các giáo, mới có thể phán quyết được điều này. Nay có ba mươi mốt Bồ-tát nói môn Bất nhị, mỗi vị đều căn cứ vào một hạnh. Nếu gặp môn sau đây thì mỗi mỗi đều không nói năng. Đó là môn Vô ngôn của Biệt giáo. Nay khắp riêng nói xong. Ngài Văn-thù tổng ấn chứng, phải biết đó chỉ là môn Vô ngôn của Viên giáo. Từ tổng ấn chứng trên, mà nói thành nghĩa Biệt giáo. Theo lời văn nói: Tất cả pháp Không thể nói, không thể bày, đâu chỉ là pháp Không phải sinh không phải diệt, không nói năng. Pháp sinh diệt cũng không nói năng. Như kinh Niết-bàn nói: Sinh sinh bất khả thuyết tức là tục đế phàm phu bất khả thuyết. Sinh bất sinh bất khả thuyết tức là lúc chết của thế đế là chân đế bất khả thuyết. Bất sinh sinh bất khả thuyết an trụ thế đế, lúc mới xuất thai liền là Bồ-tát giả bất khả thuyết. Bất sinh bất sinh bất khả thuyết, tức là trung đạo Viên thường bất khả thuyết. Cho nên biết chữ “Tất cả” là bao hàm cả thế gian và xuất thế gian đều bất khả thuyết. Kinh Pháp Hoa nói: Phật và các pháp khác thật không lường biết được, yên lặng không cần nói, ngôn từ đều vắng lặng. Phải biết tất cả pháp đều bất khả thuyết. Cho nên biết là môn Bất khả thuyết của Viên giáo. Đã tách biệt hai thứ liên và Biệt giáo mà nói. Lại nữa, ngài Văn-thù đã nói tất cả pháp là Không nói năng, không chỉ bày, không tìm biết, nên được hiểu sâu Viên lý.

6. Ngài Duy-ma yên lặng không nói. Do đây mà luận qua tất biết. Ngài Duy-ma từ trong Viên giáo mà không nói năng, tức là nhập Bất nhị, dùng lời thì sóng gió động loạn nổi lên, yên lặng thì tâm tịnh, nước

lắng trong thì châu hiện ra.

“Nói là...” là phần cuối, nói năm ngàn người nghe môn Bất nhị được ngay lợi ích, nhập Vô sinh nhẫn. Do đây mà được ngộ những gì Bồ-tát nói...

